

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **94** /2017/DS-ST

Ngày 28/12/2017

“Về việc yêu cầu giải quyết tranh chấp
liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để
thi hành án theo quy định của pháp luật
về thi hành án dân sự”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Đào Thị Thu Thủy**
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông **Hà Hữu Bình**.
 2. Ông **Nguyễn Tiến Quân**.

- **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:** Bà **Triệu Thị Thuý Tình** - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên toà:** bà **Nông Thị Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 26, 27, 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2014/TLST-DS ngày 01/7/2014 về việc “Yêu cầu giải quyết tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/QĐST- DS ngày 30/10/2017, giữa:

* **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Đức T** - Chấp hành viên - Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, địa chỉ: thôn 2, xã A, thành phố T, tỉnh T. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông **Đỗ Quý C** - Chấp hành viên - Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, địa chỉ: thôn 2, xã Ag, thành phố T, tỉnh T. Ông C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* **Bị đơn:** Chị **Phạm Thị Thuý N** (tức Phạm Thuý N)

Địa chỉ: Số nhà 1, tổ 2, phường T, thành phố T, tỉnh T. Vắng mặt.

* **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị **Phạm Thị Thuý N** (tức Phạm Thuý N)

2. Cháu **Phạm Đức H**, sinh năm 1999, do chị **Phạm Thị Thuý N** (tức **Phạm Thuý N**) làm đại diện theo pháp luật.

Cùng trú tại địa chỉ: SN 1, tổ 2, ph- ờng T, thành phố T, tỉnh T.

3. Anh Phạm Minh Đ

4. Chị Lương Minh H - sinh năm 1970

Cùng trú tại địa chỉ (tạm trú): SN 1, tổ 2, phường T, thành phố T, tỉnh T.

5. Chị Phạm Thị M

Địa chỉ: tổ 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh T.

Nơi ở hiện nay: tổ 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh T.

6. Anh Phạm Minh V

Cùng trú tại địa chỉ: tổ 3, thị trấn N, huyện Na H, tỉnh T.

Chị N, cháu H, anh Đ, chị H, chị M và anh Vt đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN THẤY:

**** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Đức T trình bày:***

Chi cục thi hành án dân sự thành phố T tổ chức thi hành Bản án số 11/2013/DS-ST ngày 29/01/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang và bản án số 12/2013/DS-PT ngày 30/5/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang theo đơn yêu cầu của ông Vũ Hồng T là người được thi hành án, trú tại địa chỉ số nhà 1, tổ 9, phường N, thành phố T, tỉnh T. Tại Quyết định thi hành án số 598/QĐ-CCTHA ngày 01/7/2013 và Quyết định thi hành án số 601/QĐ-CCTHA ngày 01/7/2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, bà Đỗ Thị L phải thi hành khoản tiền án phí có giá ngạch là 11.877.500đ, tiền trả nợ là 493.875.000đ và lãi suất theo quy định.

Trong quá trình giải quyết việc thi hành án xác định bà L có tài sản chung với chồng là ông Phạm Đức Ph (đã chết năm 2004) là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số nhà 1, tổ 2, phường T, thành phố T, tỉnh T. Chi cục thi hành án dân sự thành phố T đã thông báo và hướng dẫn cho bà Đỗ Thị L là người phải thi hành án và các con, cháu của bà L và ông Ph gồm chị Lương Minh H và anh Phạm Minh Đ, chị Phạm Thị M, anh Phạm Minh V, chị Phạm Thị Thuý N và cháu Phạm Đức H (cháu H do bà L đại diện theo pháp luật) là những người có quyền lợi liên quan đến tài sản của bà L để thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần thừa kế đối với tài sản theo quy định tại Điều 74 và Điều 75 Luật thi hành án dân sự năm 2008. Đồng thời Chi cục thi hành án dân sự thành phố T cũng đã thông báo và hướng dẫn cho ông Vũ Hồng T là người được thi hành án thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu tài sản của bà L trong khối tài sản chung theo quy định tại Điều 74 Luật thi hành án dân sự năm 2008. Tuy nhiên, ông T có đơn đề nghị Chi cục thi hành án dân sự thành phố T khởi kiện theo quy định pháp luật.

Để đảm bảo việc giải quyết thi hành án đúng quy định pháp luật, căn cứ vào khoản 3 Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án dân sự năm 2008. Chi cục thi hành án dân sự thành phố T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xác định rõ quyền sử dụng về tài sản của bà Đỗ Thị L trong khối tài sản chung với ông Phạm Đức Ph và phần tài sản của bà L với các đồng sở hữu chung trong khối tài sản là nhà và quyền sử dụng đất tại số nhà 1, tổ 2, phường T, thành phố T, tỉnh T theo: Hồ

sơ nhà đất số 47/2002/HS-NĐ ngày 07/02/2002 của UBND thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tên ông Phạm Đức Ph và vợ là Đỗ Thị L; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 397748, số vào sổ cấy giấy CNQSD đất số CH 000174/TQ do UBND thành phố Tuyên Quang cấp ngày 13/4/2011 tên hộ bà Đỗ Thị L.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2014 do Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang tiến hành, bà Đỗ Thị L trình bày: Bà và ông Phạm Đức Ph (đã chết) là vợ chồng, ông bà có tài sản chung là nhà đất tại SN 1, tổ 2, ph-ờng T, thành phố T, tỉnh T, có hồ sơ nhà đất mang tên vợ chồng bà. Việc cơ quan thi hành án dân sự thành phố T kê biên tài sản nhà đất tại SN 1, tổ 2, ph-ờng T, thành phố T bà không được biết vì hôm cơ quan Thi hành án tổ chức cưỡng chế kê biên nhà đất của gia đình bà thì bà đang bị ốm nằm viện. Bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Chi cục thi hành án dân sự, bà đề nghị được tự bán nhà sau đó sẽ nộp khoản tiền bà có nghĩa vụ vào cơ quan thi hành án, số tiền còn lại bà còn để mua nhà khác để ổn định cuộc sống.

Anh Phạm Minh Đ trình bày: Anh là con trai thứ hai của bà Đỗ Thị L và ông Phạm Đức Ph (đã chết năm 2004). Bố mẹ anh có nhà đất tại SN 1, tổ 2, ph-ờng T, thành phố T, tỉnh T, có hồ sơ nhà đất mang tên bố mẹ anh. Khi bố anh chết năm 2004, có để lại chúc thư giao toàn bộ nhà đất cho mẹ anh được toàn quyền sử dụng nhưng chỉ được quản lý, sử dụng không được bán. Do vậy, khi bố anh chết đi thì tài sản là nhà đất tại SN 1, tổ 2, ph-ờng T, thành phố T, tỉnh T có một nửa là của mẹ anh, nửa còn lại là của các đồng thừa kế của bố anh gồm có mẹ anh và anh chị em anh. Việc Chi cục thi hành án dân sự thành phố T kê biên nhà đất tại SN 1, tổ 2, ph-ờng T, thành phố T anh không được biết vì hôm cơ quan Thi hành án tổ chức cưỡng chế kê biên nhà đất của gia đình anh, anh không có mặt do đang chăm sóc mẹ anh bị ốm nằm viện. Về việc cơ quan thi hành án khởi kiện tại Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang để xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng về tài sản là nhà và quyền sử dụng đất của bà Đỗ Thị L trong khối tài sản chung với ông Phạm Đức Ph tại SN 1 tổ 2, ph-ờng T g, thành phố T, tỉnh T anh không đề nghị được hưởng kỷ phần của anh trong phần sở hữu chung với các đồng sở hữu đối với phần tài sản bố anh để lại mà anh nhường kỷ phần của anh cho cháu Phạm Đức H là con của em trai anh là Phạm Đức Ch (đã chết).

Chị Lương Minh H trình bày: Chị là con dâu của bà Đỗ Thị L và là vợ của anh Phạm Minh Đ (con trai của bà Đỗ Thị L). Là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện của ông Nguyễn Đức T, chấp hành viên – Chi cục thi hành án dân sự thành phố T đối với bà Đỗ Thị L, chị có ý kiến: Toàn phần ý kiến của mẹ tôi là bà Đỗ Thị L quyết định giải quyết vụ án, chị là con dâu không có ý kiến gì khác.

Chị Phạm Thị Thuý N trình bày: Chị là con gái út của bà Đỗ Thị L và ông Phạm Đức Ph, bố mẹ chị có tài sản chung là nhà đất tại SN 1, tổ 2, ph-ờng T, thành phố T, tỉnh T, hồ sơ nhà đất mang tên bố mẹ chị. Bố chị đã mất ngày 20/5/2004 (âm lịch). Trước khi mất, bố chị có để lại di chúc lập ngày 9/5/2004

nội dung là bố chị để lại ngôi nhà cho mẹ chị và chị em chị không được bán để làm nơi thờ cúng, đây là ý nguyện của bố chị. Bản di chúc bố chị nhờ bác họ của chị viết, bố chị ký. Sau khi bố chị mất, gia đình chị không có thỏa thuận phân chia di sản của bố chị bằng văn bản mà chỉ thực hiện theo di chúc của bố để lại làm nơi thờ cúng. Gia đình chị cũng chưa bao giờ phân chia tài sản chung vợ chồng của bố mẹ chị và cũng chưa bao giờ phân chia phần tài sản của bố chị cho các đồng thừa kế. Mẹ chị không có tài sản nào khác ngoài tài sản chung với bố chị là nhà đất tại SN 1, tổ 2, ph- ờng T, thành phố T. Bố mẹ chị sinh được 05 người con (mất một người năm 2009 là anh Ch), không có con nuôi nào, cháu H là con duy nhất của anh Ch. Về việc chấp hành viên khởi kiện yêu cầu xác định quyền sở hữu của bà Đỗ Thị L trong khối tài sản chung với ông Phạm Đức Ph và quyền sở hữu của bà L trong khối tài sản chung với các sở hữu chung, chị có ý kiến: Theo di chúc của bố chị là không được bán để làm nơi thờ cúng, do vậy chị và anh V, chị M không đồng ý cho bán ngôi nhà là tài sản của bố mẹ chị. Theo kết quả thẩm định, định giá Chi cục thi hành án đã tổ chức thẩm định, chị không có ý kiến gì mà chị cũng không biết vì chị không có ý định bán ngôi nhà này. Ý nguyện không đồng ý bán ngôi nhà này có chị, chị M, anh V và cháu H là con của anh Ch (mất năm 2009), mẹ chị (bà L) là đại diện hợp pháp cho cháu H.

Tại Biên bản lấy lời khai của chị Phạm Thị M và anh Phạm Minh V do Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tiến hành ngày 02/3/2015 và 04/3/2015 (theo Quyết định uỷ thác điều tra, thu thập chứng cứ số 05/2014/QĐ-UTĐT ngày 06/12/2014 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang):

Chị Phạm Thị M trình bày: Chị có nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các Giấy báo và Thông báo phiên hoà giải của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang. Chị là con đẻ (con chung) của ông Phạm Đức Ph (đã chết) và bà Đỗ Thị L, là chị gái ruột của chị Phạm Thị N và là bác ruột của cháu Phạm Đức H (bố đẻ của cháu H là Phạm Đức Ch, em ruột của chị, hiện đã chết) ở SN 1, tổ 2, ph- ờng T, thành phố T. Chị là chị gái ruột của anh Phạm Minh Đ vợ là Lương Minh H trú tại tổ 2, phường M, thành phố T và là chị gái ruột của Phạm Minh V trú tại tổ 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh T. Về bố mẹ đẻ của ông Ph hiện không còn ai còn sống, đã chết hết. Ông bà Phạm Đức Ph, Đỗ Thị L có 05 người con (không có người con nuôi nào) gồm: Chị là Phạm Thị M trú tại tổ 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh T; Phạm Minh Đ hiện trú tại đâu không rõ địa chỉ; Phạm Minh V trú tại tổ 3, thị trấn N, huyện Na H, tỉnh T; Phạm Đức Ch (đã chết); Phạm Thị N trú tại tổ 2, ph- ờng T, thành phố T. Ông Ph và bà L có tài sản chung là ngôi nhà tại số 1, tổ 2, ph- ờng T, thành phố T, tỉnh T (nhà gắn liền với đất). Ông Phạm Đức Ph chết ngày 20/4/2004 âm lịch, trước khi mất bố chị có để lại chúc thư lập ngày 09/5/2004 dương lịch nội dung để lại toàn bộ tài sản chung gồm ngôi nhà đang ở, đất ở và đồ đạc trong nhà tại tổ 2, ph- ờng T, thành phố T cho mẹ chị là bà Đỗ Thị L toàn quyền quản lý, không được bán trác, trao tặng và để làm nơi thờ cúng tổ tiên sau này. Chị có biết việc em trai chị là Phạm Minh Đ vay tiền của ông D là bố đẻ của anh Vũ Hồng T trú tại SN 1, tổ 9, phường N,

thành phố T dẫn đến việc gán nợ nhà đất là tài sản chung của bố mẹ chị tại tổ 2, ph- ờng T, thành phố T cho anh T. Chị không nhất trí theo nội dung bản án số 12/2013/DS-PT ngày 30/5/2013 của Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang và bản án số 11/2013/DS-ST ngày 29/01/2013 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, vì theo di chúc của bố chị (ông Ph) để lại chỉ có mẹ chị có toàn quyền quyết định. Chị không biết việc ông Nguyễn Đức T, chấp hành viên – Chi cục thi hành án dân sự thành phố T có đơn khởi kiện về việc đề nghị Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng về tài sản của bà L với các đồng sở hữu chung trong khối tài sản là nhà và quyền sử dụng đất tại số nhà 1, tổ 2, ph- ờng T, thành phố T, tỉnh T. Chị không nhất trí thi hành bản án nêu trên vì đây là tài sản chung của bố chị và mẹ chị, khi bố chị chết đã để lại di chúc giao toàn quyền sở hữu, sử dụng cho mẹ chị nên không ai có quyền bán đi cả. Tài sản này là do mẹ chị mới có quyền quyết định, chị đề nghị được hưởng kỷ phần của mình trong phần tài sản chung và các sở hữu chung đối với phần tài sản của ông Ph (đã chết) để lại nhưng chị không nhất trí bán ngôi nhà trên. Chị không nhất trí giá trị ngôi nhà số 1, tổ 2, ph- ờng T, thành phố T theo Chi cục thi hành án dân sự thành phố T đã triển khai việc thẩm định với giá là 983.610.000đ nhưng vì chị không nhất trí bán nhà đất do bố chị để lại do đó chị không đề nghị Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang tiến hành thẩm định và thành lập hội đồng định giá lại tài sản là nhà đất thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 09 địa chỉ tại số 1, tổ 2, ph- ờng T, thành phố T. Chị không nhất trí nộp một khoản tiền chi phí nào trong việc thẩm định, định giá lại tài sản nêu trên. Chị không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến việc giải quyết vụ án này. Trong quá trình Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang tiếp tục giải quyết và xét xử vụ án, chị sẽ có mặt và chấp hành các thông báo và giấy triệu tập của Toà án báo gọi nếu như chị không ốm đau hoặc mắc bận việc gì, chị sẽ có mặt trong các lần tiếp sau do đó chị không viết đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Anh Phạm Minh V trình bày: Anh có nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các Giấy báo và Thông báo phiên hoà giải của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang. Anh là con đẻ của ông Phạm Đức Ph (đã chết) và bà Đỗ Thị L, là em ruột của chị Phạm Thị M, là em trai ruột của anh Phạm Minh Đ, chị Lương Minh H là chị dâu anh (vợ anh Đ), là anh trai của Phạm Đức Ch (đã chết), (anh Ch là bố đẻ của cháu Phạm Đức H) và là anh trai của chị Phạm Thị N. Bố mẹ anh sinh được tất cả 05 người con không có người con nuôi nào gồm: Chị là Phạm Thị M trú tại tổ 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh T; Phạm Minh Đ trú tại tổ nào anh không rõ nhưng ở phường M, thành phố T; Anh là Phạm Minh V trú tại tổ 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh T; Phạm Đức Ch (đã chết); Phạm Thị N trú tại tổ 2, ph- ờng T, thành phố T. Bố mẹ đẻ của bố anh là ông Ph hiện đều đã chết. Tài sản chung của bố mẹ anh gồm 01 ngôi nhà gắn liền đất ở tại số 1, tổ 2, ph- ờng T, thành phố T, tỉnh T. Ông Phạm Đức Ph (bố đẻ anh) chết ngày 20/4/2004 âm lịch, trước khi mất bố anh có để lại chúc thư lập ngày 09/5/2004 dương lịch, nội dung di chúc thể hiện: khi bố anh chết để lại toàn bộ tài sản như ngôi nhà đang ở gắn liền với diện tích đất ở và đồ đạc trong nhà tại tổ 2, ph- ờng T, thành phố T cho mẹ anh là bà Đỗ Thị L được toàn quyền quản lý, sử

dụng, không được bán trác, tặng cho mà để làm nơi thờ cúng tổ tiên sau này. Anh không biết việc anh trai là Phạm Minh Đ vay tiền ai, nợ ai ở đâu và cả việc anh Đ gán nhà và mảnh đất là tài sản chung của bố mẹ để anh cho cho ai, nay lên Toà án anh mới biết. Vì thế anh không nhất trí cho anh Đ lấy sổ bìa đỏ (giấy CNQSD đất) và ngôi nhà ra bán vì đây là tài sản mà trước khi chết bố anh đã viết di chúc để lại và có sự chứng kiến của tất cả các con. Anh không biết việc ông Nguyễn Đức T, chấp hành viên - Chi cục thi hành án dân sự thành phố T khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang xác định rõ quyền sở hữu, quyền sử dụng về tài sản của bà L (mẹ anh) với các đồng sở hữu chung trong khối tài sản là nhà và quyền sử dụng đất tại số nhà 1, tổ 2, ph-òng T, thành phố T. Anh không nhất trí để anh Đ bán đi vì đây là tài sản bố anh để lại di chúc không được bán để cho mẹ anh quản lý, sử dụng làm nơi thờ cúng, mẹ anh mới có quyền quyết định, nếu mẹ anh bán thì anh đề nghị được hưởng kỷ phần của mình trong phần tài sản chung và các sở hữu chung đối với phần tài sản của ông Ph (đã chết). Anh không nhất trí giá trị ngôi nhà và mảnh đất mà Chi cục thi hành án dân sự thành phố T thẩm định với giá là 983.610.000đ, vì anh không nhất trí bán ngôi nhà và đất do đó anh không nhất trí để Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang thẩm định, định giá lại tài sản nêu trên. Anh cũng không nhất trí nộp một khoản tiền chi phí nào trong việc thẩm định, định giá lại giá trị ngôi nhà + đất theo bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang và bản án phúc thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Anh không có tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến việc giải quyết vụ án này để cung cấp cho Toà án. Trong quá trình Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang tiếp tục giải quyết và xét xử vụ án, anh sẽ có mặt và chấp hành theo các thông báo và giấy triệu tập của Toà án báo gọi nếu như anh không ốm đau bệnh tật gì hoặc mắc việc gì quá bận, anh sẽ có mặt tại Toà trong các lần tiếp sau do đó anh không viết đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 13/8/2015 ông Đỗ Văn K cho biết: Vào khoảng chiều gần tối ngày 09/5/2004 (lúc đó ông đang làm tổ trưởng tổ 2, phường T) có ông Phạm Đức Ph (chồng bà L) mời ông đến nhà để làm chứng về tài sản là đất và nhà ở của gia đình, lúc ông đến thấy nhà ông Ph bà L có đầy đủ các con và cả hai ông bà, ông Ph đưa cho ông Chúc thư đã được viết sẵn từ trước, ai viết ông không biết. Nội dung cụ thể chúc thư ghi phân chia tài sản cho ai, như thế nào ông không rõ, ông chỉ biết ký với tư cách tổ trưởng tổ nhân dân 2.

Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã nhiều lần triệu tập các đương sự trong vụ án có mặt tại trụ sở để làm việc, đối chiếu công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chỉ có nguyên đơn – ông Nguyễn Đức T và người được uỷ quyền – ông Đỗ Quý C có mặt còn bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều từ chối nhận văn bản của Toà án và vắng mặt không có lý do.

Các văn bản tố tụng đều được Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang gửi bảo đảm, tổng đạt hợp lệ và niêm yết theo quy định.

Ngày 24/10/2015 bà Đỗ Thị L chết. Ngày 25/11/2016, Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã ra Thông báo số 06/TB-TA về việc thay đổi tư cách người tham gia tố tụng theo đơn đề nghị của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, theo đó bị đơn (đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trong vụ án là chị Phạm Thị Thuý N (do chị N đang là người trực tiếp quản lý, sử dụng nhà và đất tại số nhà 1, tổ 2, ph- ờng T, thành phố T, tỉnh T), chỉ định chị N là người đại diện theo pháp luật cho cháu Phạm Đức H (do khi đó cháu H chưa đủ 18 tuổi và đang sống cùng nhà với chị N). Giữ nguyên tư cách tham gia tố tụng của anh Phạm Minh Đ, chị Lương Minh H, chị Phạm Thị M, anh Phạm Minh V và cháu Phạm Đức H.

Tại biên bản lấy lời khai bổ sung, chị Phạm Thị Thuý N trình bày: Bà Đỗ Thị L mất ngày 24/10/2015 (tức ngày 12/9 âm lịch), mẹ chị có để lại chúc thư lập ngày 02/12/2014 tại nhà riêng tổ 2, ph- ờng T, thành phố T, chúc thư do chị Nguyễn Thị Mai Th (là cháu của mẹ chị, địa chỉ cụ thể của chị Th chị không nắm được nhưng biết là ở Đ, T, Hà Nội) trực tiếp viết, khi viết chúc thư có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị V – tổ trưởng tổ 2, phường T, thành phố T và bà Vũ Thị H là hàng xóm liền kề (bà H đã mất tháng 02/2016), chị cung cấp cho Toà án bản photo chúc thư do bản gốc chỉ có 01 bản nên không cung cấp. Sau khi bà L mất, chị là người trực tiếp quản lý và sử dụng tài sản do bố mẹ chị để lại tại SN 1, tổ 2, ph- ờng T, thành phố T, tỉnh T, chị ở cùng cháu Phạm Đức H (con anh Phạm Đức Ch đã chết) và con gái chị. Hiện tại chị chỉ biết anh Phạm Minh Đ và vợ là Lương Minh H đang làm ăn ở Hà Nội còn địa chỉ cụ thể chị không biết. Chị giữ nguyên các ý kiến đã trình bày với Toà án từ trước.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2017 do Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang tiến hành chị Phạm Thị Thuý N trình bày: Chị và mẹ chị là bà Đỗ Thị L ở chung một nhà nhưng hai hộ khẩu khác nhau, mẹ chị và cháu Phạm Đức H một hộ khẩu còn chị và con gái Vũ Bảo Ng một hộ khẩu, do nhà đã cũ và chật hẹp nên vào khoảng tháng 3/2015 chị có sửa chữa, coi nói nhà số 1, tổ 2, ph- ờng T, thành phố T gồm: Đập bỏ áo gian thứ nhất tầng 2 trát lại, từ gian thứ 2 và toàn bộ công trình phụ tầng 2 là xây mới. Số tiền chi phí sửa chữa khoảng 200.000.000đ là của riêng chị. Việc cải tạo, sửa chữa nhà chị có hỏi chính quyền tổ dân phố bảo không phải xin cấp phép xây dựng, sửa chữa. Tuy nhiên, chị N từ chối không ký biên bản này và không ghi lý do.

Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã tiến hành điều tra, xác minh kết quả thể hiện: Tại Phòng tài nguyên môi trường thành phố Tuyên Quang có lưu trữ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Hồ sơ nhà đất số 49/2002/HS-NĐ do UBND thị xã Tuyên Quang lập ngày 07/02/2002 mang tên hộ ông Phạm Đức Ph và vợ là Đỗ Thị L; Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 25/01/2011 do bà Đỗ Thị L ký; Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất định danh về người nộp thuế tên chủ tài sản bà Đỗ Thị L; Biên bản xác định ranh giới, hiện trạng sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có chữ ký của đại diện chủ sử dụng đất bà Đỗ Thị L và dấu của UBND phường Tân Quang, thành phố

Tuyên Quang; Giấy chứng tử thể hiện ông Phạm Đức Ph chết ngày 07/7/2004; Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 25/12/2010 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Tuyên Quang của bà Đỗ Thị L, chị Phạm Thị M, anh Phạm Minh Đ, chị Phạm Thị Thuý N nội dung: chị M, anh Đ, anh V, chị N từ chối không nhận một phần tài sản được hưởng và để lại cho mẹ là Đỗ Thị L toàn quyền sử dụng và định đoạt khối tài sản là nhà và đất ở có diện tích 83,3m² tại tổ 2, phường T, thành phố T; Giấy bán đất và tài sản trên đất ngày 29/11/2010 tại nhà ông Vũ Hồng T SN 1, đường T, tổ 9, phường N, thành phố T giữa bà Đỗ Thị L và ông Vũ Hồng T đối với đất và tài sản trên đất tại tổ 2, phường T, thành phố T; Biên bản họp gia đình ngày 02/12/2010 tại nhà bà Đỗ Thị L gồm bà L, chị Phạm Thị M, anh Phạm Minh Đ, anh Phạm Minh V và chị Phạm Thuý N nội dung đồng ý để bà Đỗ Thị L bán lại nhà đất tại SN 1, tổ 2, ph- ờng T, thành phố T, tỉnh T cho anh Vũ Hồng T với số tiền là 1.300.000.000đ. Nhà đất tại số 1, tổ 2, ph- ờng T, thành phố T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 397748 ngày 13/4/2011 nhưng sau đó không thấy bà L đến nhận.

Kết quả xác minh tại Phòng quản lý đô thị thành phố Tuyên Quang thể hiện: Trong năm 2015 không nhận được giấy tờ, thủ tục về việc xin cải tạo, sửa chữa nhà ở của hộ gia đình bà Đỗ Thị L tại nhà số 1, tổ 2, ph- ờng T, thành phố T.

Bà Nguyễn Thị V – tổ trưởng tổ nhân dân 2, phường T, thành phố T cho biết: Việc bà Vũ Thị H (hàng xóm giáp ranh liền kề nhà bà L) có được chứng kiến việc lập chúc thư ngày 02/12/2014 của bà Đỗ Thị L hay không bà không nắm được vì hiện bà H đã chết còn bà không được mời chứng kiến việc này với tư cách là tổ trưởng tổ dân phố. Việc chị N cải tạo, sửa chữa nhà số 1, tổ 2, ph- ờng T, thành phố T vào thời điểm bà Đỗ Thị L còn sống, bà không nhận được đơn từ gì của bà L hoặc chị N về việc sửa chữa này. Sau khi bà L chết, chị Phạm Thị Thuý N và con gái chị là Vũ Bảo Ng là người trực tiếp quản lý sử dụng nhà đất cùng với cháu Phạm Đức H sinh ngày 10/3/1999.

Tại phiên toà, ông Đỗ Quý C - người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (ông Nguyễn Đức T) có đơn xin xét xử vắng mặt do công tác đột xuất. Trong đơn ông C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày cùng các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Toà án. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản ông C đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đối với nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T, chấp hành viên – Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

- Xác định quyền sử dụng về tài sản của bà Đỗ Thị L trong khối tài sản chung với ông Phạm Đức Ph và phần tài sản của bà L với các đồng sở hữu chung trong khối tài sản là nhà và quyền sử dụng đất tại số nhà 1, tổ 2, ph- ờng T, thành phố T, tỉnh T theo: Hồ sơ nhà đất số 49/2002/HS-NĐ ngày 07/02/2002 của UBND thị xã Tuyên

Quang, tỉnh Tuyên Quang tên ông Phạm Đức Ph và vợ là Đỗ Thị L; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 397748, sổ vào sổ cây giấy CNQSD đất số CH 000174/TQ do UBND thành phố Tuyên Quang cấp ngày 13/4/2011 tên hộ bà Đỗ Thị L. Cụ thể: Phần tài sản chung của bà L với ông Ph là: $969.622.500đ : 2 = 484.811.250đ$ (Bốn trăm tám mươi tư triệu tám trăm mười một nghìn hai trăm năm mươi đồng); Phần tài sản bà L được hưởng trong phần tài sản là di sản thừa kế của ông Ph để lại là: $484.811.250đ : 6 = 80.801.875đ$ (Tám mươi triệu tám trăm linh một nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

- Ông Nguyễn Đức T không phải chịu án phí, chị Phạm Thị Thuý N phải chịu án phí theo quy định.

- Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp.

Theo yêu cầu khởi kiện của chấp hành viên Nguyễn Đức T thì bà Đỗ Thị L và ông Phạm Đức Ph (đều đã chết) có tài sản chung là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số nhà 1, tổ 2, ph-ờng T, thành phố T, tỉnh T nhưng do người phải thi hành án, người được thi hành án và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án không tự thoả thuận được với nhau về phần tài sản chung và không khởi kiện đề nghị Toà án xác định phần tài sản của mình trong khối tài sản chung nên Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết xác định về quyền sở hữu tài sản là phù hợp quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004, được sửa đổi bổ sung năm 2011 “*Những yêu cầu về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án*” tại khoản 7 có nêu: “*Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản; phân chia tài sản chung để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án*”.

Như vậy, đây là tranh chấp về dân sự và quan hệ pháp luật được xác định trên cơ sở của khoản 10 Điều 25 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011 là: “*Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự*” (nay được quy định tại khoản 12 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015).

2. Về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T, chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh T do ông Đỗ Quý C đại diện theo uỷ quyền.

Bà Đỗ Thị L là người phải thi hành bản án số 11/2013/DS-ST ngày 29/01/2013 của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang và bản án số 12/2013/DS-PT ngày 30/5/2013 của Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Tại Quyết định thi hành án số 598/QĐ-CCTHA ngày 01/7/2013 và Quyết định thi hành án số 601/QĐ-CCTHA ngày 01/7/2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, bà Đỗ Thị L phải thi hành khoản tiền án phí có giá ngạch là 11.877.500đ, tiền trả nợ là 493.875.000đ và lãi suất theo quy định.

Xét thấy hai bản án nêu trên đã có hiệu lực pháp luật, việc Chi cục thi hành án dân sự thành phố T ra Quyết định thi hành án đối với bà Đỗ Thị L là đúng quy định pháp luật. Quá

trình thi hành hai bản án này, Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang đã ban hành Quyết định số 03/QĐ-CCTHA ngày 16/12/2013 Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Tài sản kê biên gồm: Quyền sử dụng đất theo hồ sơ nhà đất số 49/2002/HS-NĐ do UBND thị xã Tuyên Quang cấp ngày 07/02/2002 tên người sử dụng đất chủ hộ ông Phạm Đức Ph và vợ là bà Đỗ Thị L (ông Phạm Đức Ph đã chết năm 2004), UBND thành phố Tuyên Quang đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BC397748, và sổ cấp giấy CNQSD đất số CH 000174/TQ do UBND thành phố Tuyên Quang cấp ngày 13/4/2011 tên người chủ sử dụng đất bà Đỗ Thị L tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất tại tổ 2, ph- ờng T, thành phố T; Diện tích 85,3m², hình thức sử dụng đất: sử dụng riêng; Mục đích sử dụng đất: đất ở tại đô thị; Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận chuyển nhượng của bà Vũ Thị H theo hợp đồng mua bán nhà ở, chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở đô thị số 326/2001/CN được UBND thị xã Tuyên Quang xác nhận ngày 23/12/2001. Tài sản gắn liền với đất: Nhà xây cấp IV, 02 tầng và các công trình phụ trợ khác liên hoàn khép kín.

Xét thấy: Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất tại tổ 2, ph- ờng T, thành phố T có Hồ sơ nhà đất số 49/2002/HS-NĐ ngày 07/02/2002 của UBND thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tên ông Phạm Đức Ph và vợ là Đỗ Thị L; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 397748, sổ vào sổ cấp giấy CNQSD đất số CH 000174/TQ do UBND thành phố Tuyên Quang cấp ngày 13/4/2011 tên hộ bà Đỗ Thị L. Vì vậy, xác định tài sản là nhà và quyền sử dụng đất tại SN 1, tổ 2, ph- ờng T, thành phố T là tài sản chung của vợ chồng ông Ph bà L. Ông Phạm Đức Ph (đã chết năm 2004) có để lại chúc thư giao toàn bộ nhà đất cho bà L toàn quyền sử dụng nhưng chỉ được quản lý, sử dụng không được bán. Như vậy di sản thừa kế phần của ông Ph được mở nhưng chưa được giải quyết theo quy định pháp luật.

Bà Đỗ Thị L và ông Phạm Đức Ph là vợ chồng có 05 người con là Phạm Đức Ch (đã chết năm 2004), Phạm Thị M, Phạm Minh Đ, Phạm Minh V và Phạm Thị Thuý N. Anh Phạm Đức Ch có con duy nhất là Phạm Đức H ở với bà L từ nhỏ cho đến khi bà L chết thì ở với chị Phạm Thị Thuý N.

Từ các nhận định trên đủ căn cứ xác định thửa đất số 51, tờ bản đồ số 09 và vật kiến trúc trên đất là nhà xây cấp 4 (02 tầng) thuộc SN 1, tổ 2, ph- ờng T, thành phố T, hồ sơ nhà đất tên ông Phạm Đức Ph và bà Đỗ Thị L là tài sản chung của vợ chồng ông Phạm Đức Ph bà Đỗ Thị L. Phần sở hữu của bà Đỗ Thị L là $\frac{1}{2}$ giá trị vật kiến trúc trên đất (là nhà) và quyền sử dụng đất, đồng thời bà L còn được hưởng $\frac{1}{6}$ trong phần di sản thừa kế là $\frac{1}{2}$ giá trị vật kiến trúc trên đất (là nhà) và quyền sử dụng đất là phần tài sản là di sản thừa kế của ông Phạm Đức Ph để lại với các đồng thừa kế gồm: bà Đỗ Thị L, chị Phạm Thị M, anh Phạm Minh Đ, anh Phạm Minh V, chị Phạm Thị Thuý N và cháu Phạm Đức H (thuộc hàng thừa kế thế vị).

Về trị giá vật kiến trúc và quyền sử dụng đất tại nhà số 1, tổ 2, ph- ờng T, thành phố T đã được Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang tiến hành các thủ tục về thẩm định, định giá đúng quy định nhưng do chị Phạm Thị Thuý N

(là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản) đều không có mặt tại nhà trong các buổi làm việc của Tòa án. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang và Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự đã căn cứ vào các tài liệu kê biên, xử lý tài sản để thi hành án do Chi cục thi hành án dân sự thành phố T đã tiến hành và các tài liệu do Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xác minh, thu thập để tiến hành thẩm định, định giá tài sản có tranh chấp trong vụ án theo quy định. Kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng dân sự theo biên bản định giá tài sản ngày 14/9/2017: Tổng giá trị quyền sử dụng đất và vật kiến trúc là 969.622.500đ (*Chín trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm đồng*), trong đó: giá trị quyền sử dụng đất là 757.037.500đ, giá trị vật kiến trúc trên đất 212.585.000đ.

Vì vậy, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T, chấp hành viên – Chi cục thi hành án dân sự thành phố T về yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu về tài sản của bà Đỗ Thị L (hiện đã chết) trong khối tài sản chung là nhà và quyền sử dụng đất tại SN 1, tổ 2, ph-ờng T, thành phố T với các đồng sở hữu chung.

Ngày 02/12/2014, bà Đỗ Thị L để lại chúc thư để lại toàn bộ tài sản là nhà và quyền sử dụng 94m² tại SN 1, tổ 2, ph-ờng T, thành phố T cho 04 người con và 01 người cháu để làm nơi thờ cúng tổ tiên. Xét thấy, việc bà L lập chúc thư sau khi đã có bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án và Quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đối với bà nên Tòa án không xem xét.

Giá trị cụ thể phần sở hữu về tài sản của bà Đỗ Thị L tại SN 1, tổ 2, ph-ờng T, thành phố T được tính như sau:

- Phần tài sản chung của bà Ln với ông Phạm Đức Ph: 969.622.500đ : 2 = 484.811.250đ (*Bốn trăm tám mươi tư triệu tám trăm mười một nghìn hai trăm năm mươi đồng*).

- Phần tài sản bà L được hưởng trong phần tài sản là di sản thừa kế của ông Phạm Đức Ph để lại là: 484.811.250đ : 6 = 80.801.875đ (*Tám mươi triệu tám trăm linh một nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*).

Tổng giá trị quyền sở hữu về tài sản của bà Đỗ Thị L trong khối tài sản là quyền sử dụng đất và vật kiến trúc trên đất tại nhà số 1, tổ 2, ph-ờng T, thành phố T là 565.613.125đ (*Năm trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm mười ba nghìn một trăm hai mươi lăm đồng*).

3. Về án phí và chi phí thẩm định, định giá tài sản có tranh chấp trong vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, Chi cục thi hành án dân sự thành phố T đã tạm nộp chi phí thẩm định, định giá là 2.350.000đ. Ông Đỗ Quý C đề nghị Tòa án giải quyết về chi phí thẩm định, định giá theo quy định pháp luật. Do yêu cầu của chấp hành viên – Chi cục thi hành án dân sự thành phố T đ-ợc Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí thẩm định, định giá (trong phần tài sản được Tòa án xác định thuộc quyền sở hữu của bà Đỗ Thị L) để hoàn trả lại cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố T số tiền 2.350.000đ đã nộp tạm ứng.

Chị Phạm Thị Thuý N phải nộp án phí có giá ngạch của vụ án trong phần tài sản

được Toà án xác định thuộc quyền sở hữu của bà Đỗ Thị L.

Ông Nguyễn Đức T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 26, Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 33, 34 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 207, 208, 209, 212, 213, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 615 Bộ luật dân sự; Điều 167, 188 Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án ngày 27/02 năm 2009 của UBTV Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T, chấp hành viên – Chi cục thi hành án dân sự thành phố T về yêu cầu Toà án xác định quyền sở hữu về tài sản của bà Đỗ Thị L (hiện đã chết) trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất và vật kiến trúc trên đất tại nhà số 1, tổ 2, ph-òng T, thành phố T, tỉnh T.

2. Xác định phần sở hữu về tài sản của bà Đỗ Thị L cụ thể như sau:

- Phần tài sản chung của bà L với ông Phạm Đức Ph: $969.622.500đ : 2 = 484.811.250đ$ (*Bốn trăm tám mươi tư triệu tám trăm mười một nghìn hai trăm năm mươi đồng*).

- Phần tài sản bà L được hưởng trong phần tài sản là di sản thừa kế của ông Phúc là: $484.811.250đ : 6 = 80.801.875đ$ (*Tám mươi triệu tám trăm linh một nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*).

Tổng giá trị quyền sở hữu về tài sản của bà Đỗ Thị L trong khối tài sản là quyền sử dụng đất và vật kiến trúc trên đất tại nhà số 1, tổ 2, ph-òng T, thành phố T, tỉnh T, hiện đang do chị Phạm Thị Thuý N quản lý, sử dụng. Đất có Hồ sơ nhà đất số 49/2002/HS-NĐ ngày 07/02/2002 của UBND thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tên ông Phạm Đức Ph và vợ là Đỗ Thị L; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 397748, số vào sổ cây giấy CNQSD đất số CH 000174/TQ do UBND thành phố Tuyên Quang cấp ngày 13/4/2011 tên hộ bà Đỗ Thị L thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất tại tổ 2, ph-òng T, thành phố T là 565.613.125đ (*Năm trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm mười ba nghìn một trăm hai mươi lăm đồng*).

Chi cục thi hành án dân sự thành phố T xử lý tài sản đang kê biên theo quyết định của bản án và theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Chị Phạm Thị Thuý N phải nộp tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản là 2.350.000đ (*Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn*) và án phí có giá ngạch của vụ án là 26.624.525đ (*Hai mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi tư nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng*) trong phần tài sản được Toà án xác định thuộc quyền sở hữu của bà Đỗ Thị L.

Khoản tiền phải nộp kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ông Nguyễn Đức T không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn; bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố Tuyên Quang;
- Chi cục T.H.A DS Tp Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Thị Thu Thủy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Cảnh - Phạm Thúy Sơn

Ma Thị Tuyết Mai

